

Số: 173/2025/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO
ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Tô Ngọc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 300/2024/QĐST-HC ngày 19 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 123, điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”, giữa:

- *Người khởi kiện:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số E Đường A, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 22 tháng 8 năm 2024, người khởi kiện là bà Phạm Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính nêu trên và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Theo đơn khởi kiện, bà Phạm Thị T trình bày: Vào năm 1990, mẹ của bà T là bà Nguyễn Thị N nhận sang nhượng phần đất diện tích 1,7ha (sau này đo đạc thực tế là 1.580m²) tại xã T của bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị L, nguồn gốc đất do bà A và bà L tự khai phá từ trước 1975. Từ năm 1990 đến nay, gia đình bà T canh tác ổn định tại phần đất trên, có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế

sử dụng đất. Mẹ bà T là bà Nguyễn Thị N đã nhiều lần nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích trên nhưng vì nhiều lý do đã bị Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp. Ngày 03/7/1995, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 194/QĐ-UB thu hồi phần diện tích 1.580m² và cấp lại cho bà N diện tích 1.000/2.580m². Ngày 01/02/1999, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 703/QĐ-UB-NC công nhận Quyết định số 194/QĐ-UB ngày 03/7/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật. Tuy nhiên, gia đình bà không nhận được Quyết định trên. Từ năm 1995 đến nay, do tuổi cao sức yếu nên bà N đã giao phần đất trên cho bà T trực tiếp sử dụng. Bà N chết năm 2019. Nhận thấy Quyết định số 703/QĐ-UB-NC ngày 01/02/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của bà là người trực tiếp sử dụng phần đất diện tích 1.580m² tại xã T đã bị thu hồi theo Quyết định số 703/QĐ-UB-NC, nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 703/QĐ-UB-NC ngày 01/02/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

[2] Xét thấy, Quyết định số 703/QĐ-UB-NC ngày 01/02/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị N khiếu nại Quyết định số 254/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C có nội dung: Công nhận quyết định số 254/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật. Quyết định số 254/QĐ-UB ngày 31/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C có nội dung: Nay công nhận Quyết định số 194/QĐ-UB ngày 03/7/1995 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc xử lý tranh chấp phần đất có diện tích 2.580m² tọa lạc tại Ấp A xã T là đúng. Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N diện tích 1.000m²/2.580m². Thu hồi diện tích 1.580m² phần còn lại do bà N bao chiếm và buộc bà Nguyễn Thị N phải giao diện tích 1.580m² nêu trên cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý theo luật định.

Tại khoản 1 Điều 115 Luật Tố tụng hành chính quy định về quyền khởi kiện vụ án: “Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khởi kiện vụ án đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc trong trường hợp không đồng ý với quyết định, hành vi đó hoặc đã khiếu nại với người có thẩm quyền giải quyết, nhưng hết thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật mà khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi đó”.

Theo lời trình bày của bà Phạm Thị T thì từ năm 1995 đến nay, do tuổi cao sức yếu nên bà N đã giao phần đất trên cho bà trực tiếp sử dụng, việc giao đất không lập thành văn bản, nên bà Nguyễn Thị N không khiếu nại và cũng không khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 703/QĐ-UB-NC ngày 01/02/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Năm 2019, bà N chết. Do Ủy ban nhân dân xã T biết việc Ủy ban nhân dân huyện C phần diện tích 1.580m² nên từ chối chứng nhận Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích 2.580m²) của gia đình bà, việc từ chối chứng nhận này bằng miệng, không có văn bản. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà Nguyễn Thị N đã giao đất cho bà trực tiếp sử dụng cũng như việc Ủy ban nhân dân xã T từ chối chứng nhận Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất (diện tích 2.580m²) của gia đình bà. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Phạm Thị T không có quyền khởi kiện Quyết định số 703/QĐ-UB-NC ngày 01/02/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

[3] Mặt khác, do bà N không thực hiện Quyết định số 703/QĐ-UB-NC ngày 01/02/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H nên ngày 19/4/2002, Ủy ban nhân dân huyện C đã tiến hành cưỡng chế đo đạc, cắm mốc diện tích 1580m² nêu trên giao cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý, sử dụng. Giao bà N sử dụng 1.000m² theo Quyết định số 703/QĐ-UB-NC. Sau khi cưỡng chế, bà Lương Thị H, ông Tô K tiến hành lập hồ sơ hợp thức hóa quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 862/QSĐĐ/HTH ngày 18/6/2002 đối với diện tích 400m² cho bà Lương Thị H và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 859/QSĐĐ/HTH ngày 18/6/2002 diện tích 400m² cho ông Tô K.

Ngày 04/5/2018, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Công văn số 1879/UBND-NCPC về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N với nội dung: Giao Ủy ban nhân dân huyện C cắm mốc, đo đạc xác định phần diện tích 800m²/1.417m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lương Thị H, ông Tô K tại ấp A, xã T, huyện C; Phần diện tích đất còn lại giao cho hộ bà Nguyễn Thị N với mục đích sử dụng là đất nông nghiệp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N theo quy định. Ngày 17/5/2019, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 5886/TB-UBND về việc thực hiện Công văn số 1879/UBND-NCPC ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết khiếu nại của đại diện các hàng thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N (đã chết). Ngày 08/7/2019, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 7607/TB-UBND về việc yêu cầu các đại diện các hàng thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N tháo dỡ nhà. Ngày 12/9/2019, Ủy ban nhân dân xã T tiến hành thực hiện Công văn số 1879/UBND-NCPC ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết khiếu nại đại diện các hàng thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N (đã chết). Tại buổi làm việc đã tiến hành bàn giao cho ông Tô Thành C diện tích 400m² thửa số 85, một phần thửa 86, tờ bản đồ số 7 và bà Lương Thị H diện tích 400m² một phần thửa 86, tờ bản đồ số 7, bộ địa chính xã T. Như vậy, có cơ sở xác định gia đình bà T đã biết được Quyết định số 703/QĐ-UB-NC ngày 01/02/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H từ trước năm 2019.

Tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày người khởi kiện nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

Đối chiếu qui định pháp luật với phân tích trên, vào thời điểm bà T khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án thì thời hiệu khởi kiện cũng đã hết.

[4] Từ các phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên Hội đồng phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bà T và giữ nguyên

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án cấp sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là bà Phạm Thị T phải chịu, theo quy định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật tố tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là bà Phạm Thị T.

Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 300/2024/QĐST-HC ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0041141 ngày 09/9/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HSVA (1), VP (5), 13b (QĐ-PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy

